

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 304 /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Hóa học Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật quy định quyền lập hội ngày 20 tháng 5 năm 1957;

Căn cứ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Hóa học Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Hóa học Việt Nam đã được Đại hội đại biểu nhiệm kỳ 2022 - 2027 của Hội Hóa học Việt Nam thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2022.

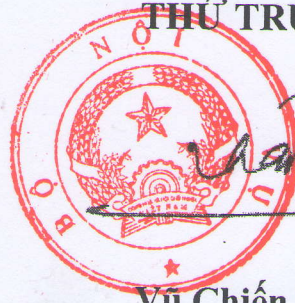
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Hóa học Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

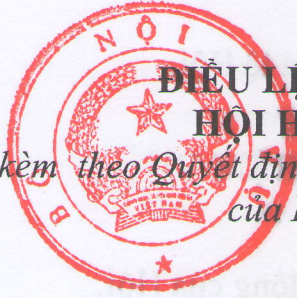
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng;
- Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, TCPCP, TT, CP.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Vũ Chiến Thắng



ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)

HỘI HÓA HỌC VIỆT NAM

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 304 /QĐ-BNV ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ nội vụ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên gọi:

a) Tên tiếng Việt: Hội Hóa học Việt Nam.

b) Tên tiếng Anh: Chemical Society of Viet Nam.

c) Tên viết tắt tiếng Anh: CSV.

2. Biểu tượng: Hội Hóa học Việt Nam có biểu tượng (logo) riêng, được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Hóa học Việt Nam (sau đây gọi là Hội) là một tổ chức xã hội-nghề nghiệp của tổ chức, công dân Việt Nam, tự nguyện thành lập, hoạt động trong lĩnh vực hóa học hoặc liên quan đến lĩnh vực hóa học theo quy định của pháp luật nhằm tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên, hỗ trợ, hợp tác cùng nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa, phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.

2. Trụ sở chính của Hội đặt tại thành phố Hà Nội.

3. Hội có thể thành lập Văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước trong lĩnh vực hóa học hoặc có liên quan đến lĩnh vực hóa học theo quy định của pháp luật.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, Bộ Công Thương và các bộ, ngành khác có liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 5: Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II **QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ**

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền hạn, nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề có liên quan tới sự phát triển của Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước có liên quan theo quy định pháp luật để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật để thực hiện một số nhiệm vụ phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của Hội.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu hợp pháp từ hoạt động dịch vụ khoa học công nghệ để tự trang trải kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ Nhà nước giao (nếu có).
10. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội, tổ chức hoạt động Hội theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội làm phương hại tới an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội theo quy định pháp luật.

3. Phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật, công nghệ cho hội viên và cho cộng đồng. Giúp đỡ, khuyến khích hội viên phát triển tài năng. Hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm và các hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

6. Hỗ trợ, tạo điều kiện làm việc cho hội viên theo khả năng của Hội, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của hội viên, đoàn kết và thống nhất trong Hội. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và quy định của Hội.

7. Xây dựng, ban hành và thực hiện quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

8. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với Bộ Nội vụ, Bộ Công Thương và các cơ quan nhà nước liên quan.

9. Thực hiện việc thành lập các pháp nhân thuộc Hội theo đúng quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

10. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật.

11. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội. Xây dựng tốt mối quan hệ tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động của Hội theo Điều lệ và quy định pháp luật.

12. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo quy định của pháp luật. Hàng năm, Hội báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Chính phủ về việc tiếp nhận, sử dụng nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: công dân, tổ chức Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ của Hội, tự nguyện gia nhập Hội đều được xem xét, kết nạp làm hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết: Công dân, tổ chức Việt Nam chưa có đủ điều kiện, tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội có thể trở thành hội viên liên kết của Hội; các doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam có đóng góp cho sự phát triển ngành hóa chất Việt Nam, có nguyện vọng, tự nguyện và tán thành Điều lệ của Hội được xem xét công nhận là hội viên liên kết.

c) Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức nhưng có nhiều thành tích, công lao đóng góp và tích cực tham gia các hoạt động của Hội, tán thành Điều lệ thì được Hội công nhận hoặc mời làm hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoạt động trong lĩnh vực hóa học hoặc liên quan đến lĩnh vực hóa học, có điều kiện tham gia các hoạt động thường xuyên của Hội, tán thành Điều lệ và tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội;

b) Hội viên tổ chức: Tổ chức Việt Nam có tư cách pháp nhân (bao gồm cả Hội có phạm vi hoạt động ở địa phương) trong lĩnh vực hóa học hoặc liên quan đến hóa học được thành lập theo quy định của pháp luật (trừ tổ chức quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này), hoạt động trong lĩnh vực hóa học hoặc liên quan đến lĩnh vực hóa học, được thành lập theo quy định của pháp luật, tán thành Điều lệ, tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội;

Đại diện cho hội viên tổ chức tham gia Hội phải là công dân Việt Nam và có đủ thẩm quyền quyết định những vấn đề liên quan đến trách nhiệm của hội viên trong hoạt động của Hội. Trường hợp ủy quyền, người được ủy quyền làm đại diện phải có đủ thẩm quyền quyết định và người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Khi thay đổi người đại diện phải thông báo bằng văn bản cho Ban Thường vụ Hội, chậm nhất không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có sự thay đổi.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan tới lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia hoạt động của Hội và đề xuất các công việc phù hợp nhiệm vụ, quyền hạn hoạt động của Hội.

3. Được tham gia thảo luận và quyết định các chủ trương công tác của Hội; được kiến nghị và đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành và Ban kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

6. Được giới thiệu hội viên mới.

7. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

8. Được tham gia hội viên các Hội khác và xin ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết và bầu cử, ứng cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ hội viên

1. Nghiêm túc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động của Hội, hoàn thành tốt nhiệm vụ Hội giao (nếu có); củng cố khối đoàn kết nội bộ, hỗ trợ nhau trong mọi hoạt động của Hội, vận động tuyên truyền phát triển hội viên mới.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, tuyên truyền và hành động mở rộng ảnh hưởng, uy tín của Hội; vận động các đối tác và cộng đồng tham gia, ủng hộ các hoạt động của Hội. Không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch nếu chưa được Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định, tích cực tham gia xây dựng quỹ Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên:

a) Tổ chức và cá nhân có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này, có nguyện vọng gia nhập Hội, đều có thể gửi đơn theo mẫu do Hội quy định (thông qua Văn phòng Hội) xin gia nhập Hội kèm theo hồ sơ gồm:

- Đối với cá nhân: Bản chứng thực Chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn; Đơn xin gia nhập Hội theo mẫu do Hội quy định; 01 ảnh thẻ;

- Đối với tổ chức: có văn bản cử người đại diện, bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, Quyết định thành lập đối với pháp nhân; Đơn xin gia nhập Hội của tổ chức theo mẫu do Hội quy định; 01 ảnh của người đại diện tổ chức được cử tham gia Hội.

c) Văn phòng Hội tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Hội, căn cứ quy chế làm việc, Ban Thường vụ Hội ra quyết định kết nạp hội viên; đồng thời, thông báo đến Ban Chấp hành Hội tại kỳ họp gần nhất của Ban Chấp hành và hội viên.

d) Các tổ chức, cá nhân được công nhận là hội viên khi có trên 1/2 (một phần hai) số thành viên Ban Thường vụ Hội biểu quyết tán thành.

2. Thủ tục ra khỏi Hội:

Hội viên thấy không thể tiếp tục là hội viên của Hội thì làm đơn gửi Ban Thường vụ. Ban Thường vụ xem xét, quyết định chấm dứt tư cách hội viên và thông báo bằng văn bản đến Ban Chấp hành, hội viên của Hội.

3. Bãi miễn tư cách hội viên:

a) Tư cách hội viên Hội sẽ bị bãi miễn khi xảy ra một trong những trường hợp sau:

- Vi phạm Điều lệ Hội, vi phạm pháp luật nghiêm trọng, không tham gia các hoạt động của Hội, không chấp hành đầy đủ các quyết định của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội;

- Hai năm liên tục không đóng hội phí theo quy định mà không báo cáo với Hội bằng văn bản;

b) Văn phòng Hội tổng hợp danh sách gửi Ban Thường vụ Hội xem xét việc bãi nhiệm tư cách hội viên, nếu có trên 50% (năm mươi phần trăm) số thành viên Ban Thường vụ Hội có ý kiến đồng ý, Chủ tịch Hội ra quyết định bãi miễn tư cách hội viên, đồng thời báo cáo Ban Chấp hành Hội tại kỳ họp gần nhất của Ban Chấp hành hoặc thông báo bằng văn bản.

c) Hội viên đương nhiên không còn là hội viên của Hội khi:

- Tổ chức giải thể theo quy định pháp luật;

- Hội viên cá nhân mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị chết.

4. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục vào Hội, ra khỏi Hội; quản lý việc cấp phát, sử dụng thẻ hội viên phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành Hội.

3. Ban Thường vụ Hội.

4. Ban kiểm tra Hội.

5. Văn phòng Hội và các ban chuyên môn, phân hội hoặc chi hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành hoặc có trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức của Hội đề nghị bằng văn bản.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được coi là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của Hội;

d) Thông qua số lượng và bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hội;

đ) Quyết định các nội dung khác vượt quá thẩm quyền của Ban Chấp hành theo quy định Hội;

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu ra trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội hoặc giữa các kỳ họp của Ban Chấp hành;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung hoặc miễn nhiệm ủy viên Ban Chấp hành. Trong quá trình hoạt động, Ban Chấp hành có thể xem xét bầu bổ sung, thay thế số lượng ủy viên Ban Chấp hành nhưng không được quá 1/5 (một phần năm) số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định. Tổng số ủy viên Ban Chấp hành (kể cả ủy viên Ban Chấp hành được bầu bổ sung) không được vượt quá số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

e) Thông qua chủ trương thành lập pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật;

g) Trong quá trình hoạt động, khi có sự thay thế Trưởng, Phó Ban Kiểm tra hoặc bổ sung ủy viên Ban Kiểm tra thì Ban Chấp hành xem xét bầu bổ sung hoặc thay thế.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành họp mỗi năm 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành đề nghị;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản hoặc thư điện tử;

e) Nếu ủy viên Ban Chấp hành không tham gia 03 kỳ họp liên tiếp trong nhiệm kỳ, thì đương nhiên không còn là ủy viên Ban Chấp hành Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Số lượng và cơ cấu ủy viên Thường vụ do Ban Chấp hành Hội quyết

định, nhưng không quá 1/5 (một phần năm) số ủy viên Ban Chấp hành. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

d) Quyết định kết nạp hội viên và cho hội viên ra khỏi Hội;

đ) Quyết định chủ trương mối quan hệ đối nội, đối ngoại, hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về các lĩnh vực liên quan, phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

e) Ban hành quy chế về khen thưởng và kỷ luật, quyết định khen thưởng và kỷ luật hội viên theo quy định của Điều lệ Hội và pháp luật;

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ họp định kỳ sáu tháng một lần. Khi cần thiết có thể họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ Hội đề nghị bằng văn bản;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản hoặc thư điện tử;

đ) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là người đại diện của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội; chỉ đạo, điều hành hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội;

e) Chủ tịch Hội là chủ tài khoản của Hội.

18. Phó chủ tịch Hội

1. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Số lượng và tiêu chuẩn Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành quy định. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền.

2. Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Tổng thư ký

1. Tổng thư ký Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Tổng thư ký do Chủ tịch Hội quy định.

2. Tổng thư ký điều hành hoạt động của Văn phòng Hội, được quyền giải

quyết các công việc do Chủ tịch Hội và Ban Thường vụ phân công giữa các kỳ họp của Ban Thường vụ.

3. Tổng thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội, Ban Thường vụ và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công.

4. Tổng thư ký Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

5. Các Phó Tổng thư ký (nếu có) do Chủ tịch Hội bổ nhiệm theo đề nghị của Tổng thư ký Hội, có nhiệm vụ giúp việc Tổng thư ký trong từng lĩnh vực công việc theo phân công và ủy quyền của Tổng thư ký.

Điều 20. Văn phòng, ban chuyên môn, phân hội hoặc chi hội

1. Văn phòng Hội có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Giải quyết các công việc hành chính, văn thư, lưu trữ, giao dịch và các việc hàng ngày theo chỉ đạo của Chủ tịch và Tổng thư ký Hội;

b) Đầu mối tổ chức các cuộc họp, gặp gỡ làm việc, đi công tác của lãnh đạo Hội cũng như các hội nghị, hội thảo của Hội;

c) Quản lý, bảo vệ và sử dụng tài sản và tài chính của Hội đúng mục đích, có hiệu quả, tuân thủ các quy định của Nhà nước và quy chế của Hội;

d) Thực hiện những việc khác theo yêu cầu của Chủ tịch và Tổng thư ký Hội.

2. Trong trường hợp cần thiết, Hội có thể thành lập các ban chuyên môn, tổ chức thuộc, trực thuộc Hội để phục vụ công tác của Hội phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Hội và quy định của pháp luật.

3. Chi hội hoặc phân hội là tổ chức không có tư cách pháp nhân, con dấu, được thành lập ở địa phương và ở cơ quan, tổ chức có nhiều hội viên. Ban Thường vụ quy định việc thành lập, tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của chi hội hoặc phân hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương V

TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH

Điều 21. Tài sản của Hội

1. Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật;

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ Hội. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 22. Tài chính của Hội

1. Hội có tài khoản tại kho bạc và Ngân hàng theo quy định pháp luật.

2. Nguồn thu của Hội, gồm:

- a) Hội phí và đóng góp của các thành viên, tổ chức trực thuộc, hội viên;
- b) Hỗ trợ của Nhà nước gắn với các nhiệm vụ được giao (nếu có);
- c) Tài trợ hợp pháp của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước;
- d) Thu nhập hợp pháp do hoạt động có thu của Hội;
- đ) Các khoản thu hợp pháp khác.

3. Các khoản chi của Hội gồm:

- a) Chi cho các hoạt động của Hội;
- b) Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định pháp luật và quy định của Hội;
- c) Chi cho khen thưởng, phúc lợi, hỗ trợ hội viên;
- d) Các khoản chi cần thiết hợp pháp khác.

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VI

CHIA TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, GIẢI THỂ VÀ ĐỔI TÊN HỘI

Điều 24. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể và đổi tên Hội

1. Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể và đổi tên Hội được thực hiện trên cơ sở nghị quyết của Đại hội, của Ban Chấp hành, theo quy định của Pháp luật và thỏa thuận của các bên liên quan.
2. Hội giải thể trong các trường hợp:
 - a) Hội tự giải thể trong trường hợp không còn điều kiện và vai trò thực hiện mục đích và tôn chỉ của mình và khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị;
 - b) Hội bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải thể theo quy định của Pháp luật trong các trường hợp: Hội không hoạt động liên tục mười hai tháng; khi có nghị quyết của Đại hội về việc Hội tự giải thể mà Ban lãnh đạo Hội không chấp hành; hoạt động của Hội vi phạm pháp luật nghiêm trọng theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Giải quyết tài sản, tài chính khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội

Tài sản, tài chính khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội được giải quyết theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 26. Khen thưởng và kỷ luật

1. Tổ chức thuộc, trực thuộc Hội và hội viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động công tác Hội và lĩnh vực hóa học được xem xét khen thưởng bằng các hình thức theo quy định của Luật Thi đua Khen thưởng, Điều lệ này và Quy chế của Hội.
2. Tổ chức thuộc, trực thuộc Hội và hội viên vi phạm Điều lệ Hội, làm trái với nghị quyết của Hội hoặc làm tổn hại đến quyền lợi và danh dự của Hội, bị xem xét kỷ luật từ cảnh cáo tới khai trừ ra khỏi Hội theo Điều lệ và Quy chế của Hội. Trong trường hợp vi phạm pháp luật sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung điều lệ:

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ được Đại hội Hội Hóa học Việt Nam thông qua khi được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.
2. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) phải được Hội Hóa học Việt Nam hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định pháp luật và được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Hóa học Việt Nam gồm 8 (tám) Chương, 28 (hai mươi tám) Điều đã được Đại hội Hội Hóa học Việt Nam thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2022 tại thành phố Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.
2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội, Ban Chấp hành Hội Hóa học Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) này./.

